

Bản án số: 99/2018/HSST

Ngày: 14-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ - TP. ĐÀ NẴNG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đức Tài

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Đức

Ông Mai Hồ Hải Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân quận Sơn Trà.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Trà - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 91/2018/TLST-HS ngày 15/10/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2018/QĐXXST-HS ngày 01/11/2018 đối với bị cáo:

LÊ ĐỨC T, sinh ngày 23 tháng 02 năm 1979 tại Đà Nẵng; HKTT tại: Tổ 6, phường A, quận S, thành phố Đ; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn 0/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Đức H (chết) và bà Trần Thị H (sn 1953); Vợ Trần Võ Như L, con Lê Mỹ N (sn 2015); Gia đình có 06 anh em, bị cáo là con út; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 06/4/2006, bị Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xử phạt 15 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” nhưng cho hưởng án treo, với thời gian thử thách 30 tháng; Ngày 24/02/2011, bị Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xử phạt 18 tù giam về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 13/5/2018, có mặt tại phiên tòa.

-Người bị hại: **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện N, tỉnh Q. (Vắng mặt)

-Người bị hại: **Đỗ Thị Tâm T**, sinh năm 1994; Địa chỉ: Thôn G, xã H, huyện H, thành phố Đ. (Vắng mặt)

-Người bị hại: **Nguyễn Hồ Cẩm N**, sinh năm 1996; Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Q. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 00 giờ 30 phút, ngày 26/5/2015, Lê Đức T chuẩn bị 01 chiếc kim bấm và 01 đèn pin, đi bộ rảo quanh các tuyến đường trên địa bàn phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà tìm tài sản sơ hở để lấy trộm. Khi đi ngang qua phòng trọ của chị Nguyễn Thị L tại tổ 177, phường A, quận S thì T phát hiện cửa không khóa ngoài, chỉ chốt trong nên T dùng một cây gỗ dài khoảng 30cm luồn qua khe cửa đẩy chốt trong mở cửa đi vào. Khi vào bên trong, thấy chị đang ngủ một mình thì T lục tìm tài sản để chiếm đoạt. Khi phát hiện 01 điện thoại Nokia Xl màu cam của chị L đang bỏ phía bên trái gối ngủ, T cầm lên, dịch sang một bên cách vị trí ban đầu khoảng 20cm rồi tiếp tục lục tìm tài sản. Lúc này chị L tỉnh dậy thì T xông đến dùng tay bịt miệng chị L và dùng đèn pin kề vào cổ chị L đe dọa “*Nếu la lên tao giết*”. Chị L hoảng sợ, nằm im không dám chống cự lại thì T đe dọa người chị L rồi tiến hành giao cấu trái ý muốn của chị L. Lúc này nghe chị L nói chồng sắp về nên T dừng lại, chưa xuất tinh vào âm hộ chị L. Liên sau đó, T cầm quần đứng dậy và cầm chiếc điện thoại của chị L đi ra đến cửa thì đứng lại mặc quần vào rồi bỏ đi. Mặc dù thấy T chiếm đoạt điện thoại của mình nhưng do sợ hãi nên chị L không dám kêu lên mà để cho T lấy. Đến sáng cùng ngày, T bán chiếc điện thoại trên cho một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) tại đường Tăng Bạt Hổ, thành phố Đà Nẵng được 200.000 đồng và tiêu xài hết.

Vật chứng thu giữ: 01 đôi dép xỏ ngón bằng xốp, quai bằng nhựa màu nâu;

Tại kết luận giám định số: 164/TD ngày 29/5/2015 xác định nạn nhân là chị Nguyễn Thị L tỉnh, tiếp xúc tốt, không có dấu hiệu tổn thương về tinh thần; qua thăm khám bên ngoài không phát hiện dấu vết tổn thương để lại; Hiện nạn nhân đang có thai 16 tuần; Cơ quan sinh dục: màng trinh rách phức tạp ở vị trí 03 giờ; 07 giờ; 09 giờ và 11 giờ; âm hộ không có dịch chảy ra, không bầm tụ máu, không trầy xước, không chảy máu.

Tại kết luận định giá tài sản số: 52/2018/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 09/7/2018 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự quận Sơn Trà xác định 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia XL 04Gb màu cam có giá: 1.760.000 đồng.

Bồi thường dân sự: Chị Nguyễn Thị L yêu cầu bồi thường 4.760.000 đồng, trong đó: Bồi thường chiếc điện thoại Nokia XL 04Gb màu cam 1.760.000 đồng; bồi thường tổn thất về tinh thần 3.000.000 đồng. Ngày 18/10/2018, chị Nguyễn Thị L đã nhận tiền bồi thường 4.700.000 đồng, chị L không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 01 giờ 00 phút, ngày 25/11/2015, với ý định trộm cắp tài sản, Lê Đức T chuẩn bị 01 chiếc điện thoại Nokia có chế độ bật đèn pin (không rõ loại máy) rồi đi bộ rảo quanh khu vực đường thuộc phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng tìm tài sản để lấy trộm. Khi đi ngang qua phòng trọ của chị Đỗ Thị Tâm T tại: Tổ 27, phường A, quận S, thành phố Đ, T phát hiện cửa sổ mở, cửa chính không khóa ngoài nên T đi vào, thò tay qua cửa sổ, mở chốt cửa chính đột nhập vào trong để lục tìm tài sản để chiếm đoạt. Trong khi đang lục tìm tài sản thì T bị chị T phát hiện nên T xông đến dùng tay bóp vào cổ của chị T và yêu cầu chị T cho quan hệ tình dục. Chị T không đồng ý thì T đe dọa nếu không cho quan hệ tình dục thì sẽ giết chị T. Lúc này chị T có nói: “*Em*

đang có bầu, anh đừng làm như vậy” thì bị cáo đe dọa: *“Em nằm im đó, anh có đồ đây, vừa nói T vừa vỗ tay vào túi quần, em mà la lên là hết giờ với anh”*. Hoảng sợ chị T không dám chống cự, T nằm đè lên người chị T và thực hiện hành vi giao cấu trái với ý muốn chị T. Giao cấu được khoảng 01 phút thì chị T xô T ra. Sau đó, T tự thủ dâm xuất tinh ra ngoài rồi bỏ đi.

Vật chứng thu giữ: Không.

Bồi thường dân sự: Chị Đỗ Thị Tâm T không yêu cầu bồi thường.

Chị Đỗ Thị Tâm T từ chối giám định.

Vụ thứ ba: Vào khoảng 02 giờ 00 phút, ngày 10/5/2018, Lê Đức T mang theo 01 đèn pin và 01 chiếc kim bấm đi bộ quanh một số tuyến đường thuộc phường Mân Thái, quận Sơn Trà tìm nhà nào sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi T đi đến phòng trọ của chị Nguyễn Hồ Cẩm N tại đường Phó Đức Chính, phường M, quận S thì T phát hiện cửa ra vào phòng trọ không khóa nên T vào phòng lấy trộm của chị N: 01 điện thoại di động Xiaomi Redmi Note 4, 47 USD, 11.000 Won và 80.000 đồng cất giấu vào túi quần. Sau khi lấy trộm tài sản, T thấy chị N ngủ một mình trong phòng nên nảy sinh ý định hiếp dâm chị N. T bỏ kim bấm trên giường rồi đánh thức chị N dậy và yêu cầu chị N cho quan hệ tình dục. Chị N chống cự lại thì T dùng tay bịt miệng chị N rồi đe dọa chị N *“Im miệng, không tao giết”*. Chị N hoảng sợ và không dám chống cự lại, T liền nằm đè trên người rồi giao cấu trái với ý muốn của chị N. T quan hệ tình dục với chị N được 01 phút thì xuất tinh ra ngoài. Sau khi quan hệ tình dục với chị N, T lấy điện thoại Xiaomi Redmi Note 4 đã lấy trộm được trả lại cho chị N rồi bỏ đi. Số tài sản T lấy trộm của chị N, T tiêu xài cá nhân hết 19 USD, 11.000 Won và 80.000 đồng, còn lại 28 USD bị tạm giữ tại phòng trọ của T khi bị lực lượng công an phát hiện.

Tang vật tạm giữ: 01 kim bấm kim loại dài 15 cm, cán bọc nhựa màu vàng đen; 01 điện thoại di động Nokia màu xanh dương; 28 USD (01 tờ loại 5 USD và 23 tờ loại 1 USD, đã trả lại cho chị Nguyễn Hồ Cẩm N).

Tại kết luận giám định pháp y về tình dục số: 07/TD ngày 17/5/2018 xác định: Chị Nguyễn Hồ Cẩm N có tiền sử sinh con năm 2016 đường âm đạo; âm hộ, tầng sinh môn không có tổn thương mới; màng trinh rách cũ vị trí 02 giờ, 03 giờ, 07 giờ, 10 giờ; Xét nghiệm tinh dịch đồ: Không phát hiện tinh trùng trong cận mẫu ly tâm; xét nghiệm Beta HCG có chỉ số trung bình; khám ngoài không phát hiện thương tích, không xếp tỷ lệ thương tích.

Tại Kết luận định giá tài sản số 51/2018/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 02/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Sơn Trà xác định: 01 điện thoại di động Xiaomi Redmi Note 4 có giá: 2.145.000 đồng; 47 USD có giá: 1.067.600 đồng; 11.000 Won có giá: 264.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 3.476.600 đồng.

Bồi thường dân sự: Lê Đức T đã tác động gia đình bồi thường số tiền 3.180.000 đồng cho chị Nguyễn Hồ Cẩm N, chị N không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà giữ nguyên quan điểm truy tố theo Bản cáo trạng số 83/CT-VKS ngày 15/10/2018 và đề nghị HĐXX: tuyên bố bị cáo Lê Đức T phạm tội *“Hiếp dâm”*, *“Cướp tài sản”* và *“Trộm cắp tài sản”*.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 141; điểm b, r, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Lê Đức Tmức án từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội “*Hiếp dâm*”; Căn cứ khoản 1 Điều 168; điểm b, r, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Lê Đức Tmức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “*Cướp tài sản*”; Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Lê Đức Tmức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Lê Đức Thân.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: 01 đôi dép xỏ ngón bằng xốp, quai bằng nhựa màu nâu; 01 kim bấm kim loại dài 15 cm, cán bọc nhựa màu vàng đen. Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động Nokia màu xanh dương.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận gì với phần luận tội của Kiểm sát viên.

Ý kiến của những người bị hại về hành vi phạm tội của bị cáo: Những người bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng thể hiện trong hồ sơ vụ án thì chị Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Hồ Cẩm N xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Về phần bồi thường dân sự: Chị Nguyễn Thị L yêu cầu bồi thường 4.760.000 đồng, chị Nguyễn Hồ Cẩm N yêu cầu bồi thường số tiền 3.180.000 đồng. Bị cáo đã bồi thường xong và chị L, chị N không yêu cầu gì thêm.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Từ lúc bị cáo bị bắt giam bị cáo rất hối hận về hành vi mình đã gây ra, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về với gia đình, lo cho mẹ già, vợ con và trở thành người công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Người bị hại là chị Nguyễn Thị L, chị Đỗ Thị Tâm T vắng mặt và chị Nguyễn Hồ Cẩm N có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy: việc vắng mặt của người bị hại không ảnh hưởng đến việc xét xử đối với bị cáo. HĐXX căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt đối với người bị hại.

[2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Sơn Trà, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3]. Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, bị cáo Lê Đức T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác đã được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà đã truy tố, thể hiện: Trong các ngày 26/5/2015, ngày

25/11/2015 và ngày 10/5/2018, Lê Đức T đã 03 lần có hành vi đe dọa dùng vũ lực để giao cấu trái với ý muốn của chị Nguyễn Thị L, chị Đỗ Thị Tâm T và chị Nguyễn Hồ Cẩm N. Đối với lần thực hiện hành vi phạm tội ngày 26/5/2015, Lê Đức T sau khi có hành vi hiếp dâm chị Nguyễn Thị L thì bị cáo T còn cướp 01 chiếc điện thoại Nokia Xl trị giá 1.760.000 đồng của chị L. Lần phạm tội vào ngày 10/5/2018, Lê Đức T lấy trộm tài sản gồm: 01 điện thoại di động Xiaomi Redmi Note 4; 47 USD; 11.000 Won và 80.000 đồng, tổng giá trị tài sản mà T lấy trộm được là 3.476.600 đồng cất giấu vào túi quần mình rồi mới hiếp dâm chị Nguyễn Hồ Cẩm N.

Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Lê Đức T đã phạm các tội “*Hiếp dâm*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 141; tội “*Cướp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 168; tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[4]. Tình tiết tăng nặng: Khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đối với chị Nguyễn Thị L, chị Đỗ Thị Tâm T thì lúc này bị cáo biết chị L, chị T đang mang thai nhưng bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội, do đó áp dụng điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[5]. Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại chị Nguyễn Hồ Cẩm N số tiền 3.180.000 đồng, chị Nguyễn Thị L số tiền 4.700.000 đồng, đối với 02 vụ án xảy ra ngày 26/5/2015 và ngày 25/11/2015 thì bị cáo đã tự thú. Đồng thời, người bị hại chị Nguyễn Hồ Cẩm N và chị Nguyễn Thị L có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bên cạnh đó, bị cáo phạm tội vào thời điểm năm 2015 nên áp dụng Nghị quyết số 41 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, xét xử theo hướng có lợi cho bị cáo. Về nhân thân, bị cáo có 02 lần bị xét xử về tội “*Trộm cắp tài sản*” vào các năm 2006, 2011. Là một thanh niên có sức khỏe, đáng lẽ bị cáo chăm chỉ lao động để phục vụ nhu cầu bản thân, chăm lo cho gia đình, góp phần ổn định xã hội, gìn giữ an ninh trật tự chung. Tuy nhiên, bị cáo lại thực hiện hành vi mà pháp luật nghiêm cấm, trái với các chuẩn mực đạo đức xã hội; bị cáo muốn có tiền tiêu xài nhưng lười lao động; trộm cắp tài sản có được từ công sức lao động vất vả của người khác. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm mới đủ sức răn đe phòng ngừa chung, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật; đồng thời giáo dục bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội. Với tính chất hành vi, khả năng nhận thức của bị cáo, mức độ hậu quả mà bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục. Ngoài ra, do bị cáo phạm nhiều tội nên cần áp dụng điều 55 Bộ luật Hình sự 2015 để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo T.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 6 Điều 168; khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là người lao động tự do, không có thu nhập ổn định và không có tài sản. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho chị Nguyễn Thị L 4.700.000 đồng, chị Nguyễn Hồ Cẩm N 3.180.000 đồng, chị L và chị N không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Chị Đỗ Thị Tâm T không yêu cầu bồi thường nên không đề cập đến.

[8]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 đôi dép xỏ ngón bằng xốp, quai bằng nhựa màu nâu; 01 kìm bấm kim loại dài 15 cm, cán bọc nhựa màu vàng đen.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động Nokia màu xanh dương.

(Toàn bộ số vật chứng trên hiện nay do Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/11/2018)

Xét các nội dung đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà về tội danh, điều khoản luật và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo tại phiên tòa cơ bản phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Lê Đức T** phạm các tội “*Hiếp dâm*”, “*Cướp tài sản*” và “*Trộm cắp tài sản*”.

1.1. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 141; điểm b, r, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Xử phạt bị cáo Lê Đức T **07** (bảy) năm **06** (sáu) tháng tù về tội “*Hiếp dâm*”.

1.2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 168; điểm b, r, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Xử phạt bị cáo Lê Đức T **03** (ba) năm về tội “*Cướp tài sản*”.

1.3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Đức T **09** (chín) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, tổng hợp hình phạt chung bị cáo **Lê Đức T** phải chịu **11** (mười một) năm **03** (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/5/2018.

Tiếp tục tạm giam bị cáo trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy: 01 đôi dép xỏ ngón bằng xốp, quai bằng nhựa màu nâu; 01 kìm bấm kim loại dài 15 cm, cán bọc nhựa màu vàng đen.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động Nokia màu xanh dương.

(Toàn bộ số vật chứng trên hiện nay do Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/11/2018)

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lê Đức T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Những người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Công an quận Sơn Trà;
- VKSND quận Sơn Trà;
- Trại tạm giam Hòa Sơn;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Đức Tài